

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHAN THỊ NHẬT ÁNH

**HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY
DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN VIỆT Á, CHI NHÁNH HỘI AN**

Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng

Mã số : 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN
THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học : **PGS.TS NGUYỄN THỊ NHƯ' LIÊM**

Phản biện 1 : PGS.TS Lâm Chí Dũng

Phản biện 2 : GS.TS Dương Thị Bình Minh

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn thạc
sỹ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày
28 tháng 9 năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thực tiễn hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong các năm gần đây cho thấy rủi ro của các ngân hàng chủ yếu xuất phát từ hoạt động cho vay mà chiếm phần lớn là cho vay đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp. Đồng thời, với tình hình cạnh tranh gay gắt về mọi mặt, các ngân hàng đua nhau mở rộng quy mô cho vay dẫn đến tình trạng nợ xấu ngày càng tăng cao, rủi ro tín dụng cũng tăng theo. Ngân hàng TMCP Việt Á chi nhánh Hội An, Quảng Nam không phải là trường hợp ngoại lệ. Xuất phát từ thực tế trên tôi đã quyết định lựa chọn đề tài: **“Hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á chi nhánh Hội An”** làm luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về rủi ro tín dụng và hạn chế rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay doanh nghiệp của các ngân hàng thương mại.

- Phân tích, đánh giá thực trạng công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh NHTMCP Việt Á chi nhánh Hội An

- Đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh.

Kết hợp lý luận và thực tiễn, các vấn đề tồn tại để đề xuất các giải pháp, các hướng giải quyết, các công cụ nhằm góp phần hoàn thiện công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại NHTMCP Việt Á chi nhánh Hội An.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu những vấn đề lý luận và

thực tiễn liên quan đến việc hạn chế rủi ro cho vay DN tại NHTMCP Việt Á chi nhánh Hội An, Quảng Nam.

- Phạm vi nghiên cứu: thực trạng công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á chi nhánh Hội An trong giai đoạn 2011-2013.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Cơ sở lý luận: Kinh tế học vĩ mô, vi mô, Lý thuyết tài chính - tiền tệ, quản trị ngân hàng thương mại...

- Phương pháp nghiên cứu cụ thể: Quy nạp và diễn dịch; logic và lịch sử; phân tích và tổng hợp; thống kê...

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn gồm có ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về hạn chế RRTD trong cho vay DN của NHTM

Chương 2: Thực trạng hạn chế RRTD trong cho vay doanh nghiệp tại NHTMCP Việt Á Chi nhánh Hội An- Quảng Nam.

Chương 3: Giải pháp hạn chế RRTD trong cho vay DN tại NHTMCP Việt Á Chi nhánh Hội An.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NHTM

1.1. HOẠT ĐỘNG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG

1.1.1. Khái niệm hoạt động cho vay doanh nghiệp

Cho vay là một hình thức cấp tín dụng, theo đó ngân hàng cho vay giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích và thời gian nhất định theo thoả thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi. Cho vay DN là loại hình cho vay mà đối tượng vay ở đây là các DN.

1.1.2. Đặc điểm và vai trò của cho vay đối với doanh nghiệp

a. Đặc điểm của cho vay đối với doanh nghiệp

- Cho vay DN là cho vay kinh doanh
- Đối tượng cho vay đa dạng về loại hình
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ của DN rất đa dạng nên nhu cầu vay vốn của DN cũng rất đa dạng
- Quy mô của món vay thường lớn và cao hơn quy mô của quá trình sản xuất.
- Chi phí tổ chức cho vay thường cao.

b. Vai trò của cho vay đối với doanh nghiệp

- Là nguồn tài trợ giúp doanh nghiệp có điều kiện mở rộng quy mô sản xuất, mở rộng thị trường.
- Góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp, thúc đẩy quá trình tập trung vốn và sản xuất của DN.
- Tác động tích cực đến nhịp độ phát triển, thúc đẩy cạnh tranh giữa các doanh nghiệp.
- Góp phần hình thành cơ cấu vốn tối ưu cho doanh nghiệp.
- Tham gia tích cực vào quá trình chu chuyển vốn của DN, quản lý kinh tế, kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất của DN.

1.1.3. Các phương thức cho vay doanh nghiệp

a. Cho vay ngắn hạn: Cho vay từng lần, cho vay chiết khấu, cho vay theo hạn mức tín dụng, cho vay theo hạn mức dự phòng, cho vay theo hạn mức thấu chi

b. Cho vay trung và dài hạn: Cho vay để tài trợ cho nhu cầu đầu tư: cho vay tài trợ TSCĐ, cho vay theo dự án đầu tư

1.2. RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG

1.2.1. Khái niệm rủi ro tín dụng

“RRTD là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết”.

1.2.2. Phân loại rủi ro tín dụng

a. Căn cứ vào nguồn gốc phát sinh rủi ro: rủi ro giao dịch và rủi ro danh mục.

b. Căn cứ vào tính chất của rủi ro: rủi ro khách quan và rủi ro chủ quan

1.2.3. Đặc điểm rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

- Khi phát sinh nợ quá hạn thì thường nợ quá hạn với món lớn, điều này có thể ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của các Ngân hàng nếu số lượng món vay “xấu” gia tăng mà không có biện pháp xử lý kịp thời.

- Các doanh nghiệp thường đưa ra những báo cáo tài chính không chính xác, không chuẩn mực và chưa được kiểm.

- Mặt khác, cũng có thể quyết định cho vay đúng đắn nhưng do thiếu kiểm tra kiểm soát trong khâu sau khi cho vay.

- Về phía ngân hàng, các ngân hàng chưa thật sự tin tưởng vào hoạt động kinh doanh của một số doanh nghiệp dẫn đến ngân hàng thường hạn chế cho vay để giảm thiểu rủi ro.

1.3. HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.3.1. Nội dung hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại

Hạn chế RRTD trong cho vay DN là tổng thể những biện pháp, công cụ mà NH áp dụng nhằm hạn chế khả năng xuất hiện của rủi ro cho vay DN và giảm bớt mức độ tổn thất do hậu quả bất lợi của rủi ro đó gây ra.

Về lý luận, để hạn chế RRTD trong cho vay DN, NH thực hiện các biện pháp sau đây:

a. Các biện pháp hạn chế khả năng xảy ra RRTD trong cho vay DN

- *Thẩm định trước khi vay*: thẩm định tư cách, năng lực, dòng tiền trả nợ, tài sản đảm bảo, các điều kiện, sự kiểm soát.

- *Giám sát khoản vay*: Việc kiểm tra sử dụng vốn vay nhằm đảm bảo cho vốn vay phát huy được hiệu quả như mong đợi, ràng buộc khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích và tuân theo các quy định của ngân hàng.

- *Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro*: Việc đánh giá và phân loại nợ nhằm đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng để thực hiện trích lập dự phòng rủi ro phục vụ công tác quản lý chất lượng tín dụng và đánh giá tình hình kinh doanh của Ngân hàng.

- *Các biện pháp khác*

+ Tiến hành phân loại nợ và quản lý các khoản tín dụng phù hợp với tình hình thực tế của ngân hàng và doanh nghiệp.

+ Quy định hạn mức tín dụng, đa dạng hóa danh mục cho vay doanh nghiệp.

b. Các biện pháp hạn chế tổn thất do RRTD trong cho vay doanh nghiệp gây ra

Xử lý từ quỹ dự phòng RRTD; thanh lý TSBD; cơ cấu lại nợ nối với

KH có phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả; chuyển giao rủi ro như bán nợ, chứng khoán hóa, mua bảo hiểm tín dụng cho các khoản vay DN.

1.3.2. Tiêu chí đánh giá kết quả hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay oanh nghiệp

a. Mức giảm tỷ lệ dư nợ cho vay DN từ nhóm 2 đến nhóm 5

b. Sự thay đổi cơ cấu các nhóm nợ

c. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu cho vay doanh nghiệp

d. Mức giảm tỷ lệ xóa nợ rỗng cho vay doanh nghiệp

e. Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro các khoản vay doanh nghiệp

1.3.3. Nhân tố ảnh hưởng đến công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

a. Nhân tố từ môi trường kinh doanh

- Môi trường pháp lý, kinh tế, xã hội

Một khi có môi trường ổn định thì không chỉ NH nói riêng mà các DN nói chung có thể yên tâm kinh doanh và kinh doanh có hiệu quả, ngược lại, tình hình chính trị bất ổn, thì NH cố gắng cũng khó có thể hạn chế được RRTD.

- Khách hàng doanh nghiệp

NH thực hiện hoạt động tín dụng nhằm phục vụ khách hàng, các khoản tín dụng nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng. Vì vậy muốn hạn chế RRTD, thì NH không thể làm một mình mà còn phải nhờ sự hợp tác từ phía doanh nghiệp.

c. Nhân tố nội bộ ngân hàng

- Định hướng, mục tiêu cho vay

- Nguồn lực

- Công tác tổ chức cho vay

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG
CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NHTMCP VIỆT Á
CHI NHÁNH HỘI AN- QUẢNG NAM

2.1. KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á CHI NHÁNH HỘI AN- QUẢNG NAM

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

2.1.2. Cơ cấu tổ chức

2.1.3. Tình hình hoạt động kinh doanh cơ bản của Ngân hàng TMCP Việt Á chi nhánh Hội An trong 03 năm (2011-2013)

a. Hoạt động huy động vốn

Trong thời gian qua NHNN đã ban hành nhiều quy định ảnh hưởng đến quy mô huy động vốn của các NHTM nói chung và chi nhánh ngân hàng Việt Á, Hội An nói riêng nhưng chi nhánh cũng đã nỗ lực rất nhiều trong việc nâng cao thị phần huy động vốn. Nguồn tiền gửi cá nhân chiếm tỷ trọng cao chứng tỏ chi nhánh rất chú trọng công tác huy động vốn, nhất là công tác tiếp thị tiền gửi của đối tượng khách hàng cá nhân.

b. Hoạt động cho vay

Tình hình cho vay của chi nhánh cũng tăng trong năm 2012 nhưng lại sụt giảm trong năm 2013 về dư nợ cho vay. Cụ thể: Năm 2012 tổng dư nợ cho vay là 890.880 triệu đồng tăng 24,23% so với năm 2011, nhưng năm 2013 lại giảm 36,01% so với năm 2012. Dư nợ cho vay của chi nhánh chủ yếu là nhóm khách hàng doanh nghiệp chiếm trên 70% tổng dư nợ cho vay. Dư nợ cho vay khối khách hàng doanh nghiệp đặc biệt giảm trong năm 2013(giảm 40,23% so với năm 2012). Về thời hạn, dư nợ cho vay chủ yếu tập trung ở kỳ hạn ngắn. Dư nợ cho vay đối với kỳ hạn trung và dài hạn, năm 2013 có sự tăng mạnh so với năm 2012: tăng 20,27%.

c. Kết quả hoạt động kinh doanh

Thu nhập chủ yếu của chi nhánh vẫn là thu nhập từ lãi cho vay

(chiếm hơn 90% so với tổng thu nhập). Và đương nhiên trong các khoản chi phí thì chi từ lãi cũng chiếm tỷ trọng cao nhất. Trong giai đoạn 2011-2013 chi nhánh làm ăn có lãi, tuy nhiên năm 2013 cũng thấy sự sụt giảm mạnh về chênh lệch thu chi so với năm 2011, 2012.

2.1.4. Thực trạng hoạt động cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Việt Á chi nhánh Hội An trong 3 năm (2011-2013)

a. Tình hình về hoạt động tín dụng đối với DN tại chi nhánh

Số lượng doanh nghiệp có quan hệ tín dụng với chi nhánh được giữ tương đối ổn định. Đây là nỗ lực lớn của toàn thể nhân viên chi nhánh trong việc tìm kiếm và quan hệ với khách hàng doanh nghiệp.

b. Thực trạng hoạt động cho vay doanh nghiệp

Bảng 2.5. Tình hình hoạt động CV DN giai đoạn 2011 – 2013

Chi tiêu	Năm 2011		Năm 2012			Năm 2013		
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Tăng trưởng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Tăng trưởng (%)
1. Doanh số cho vay	843.673	100	937.777	100	11,15	600.118	100	-36,01
Cho vay DN	615.881	73,00	609.555	65,00	-1,03	420.083	70,00	-31,08
2. Doanh số thu nợ	515.906	100	727.339	100	40,98	421.949	100	-41,99
Cho vay DN	386.929	75,00	581.871	80,00	50,38	303.803	72,00	-47,79
3. Dư nợ BQ	717.122	100	890.880	100	24,23	570.112	100	-36,01
Cho vay DN	567.520	79,14	721.435	80,98	27,12	431.233	75,64	-40,23
4. Nợ quá hạn BQ	5.884	100	1.369	100	-76,73	7.527	100	449,82
Cho vay DN	4.119	70,00	1.013	74,00	-75,41	6.022	80,00	494,47
5. Tỷ lệ nợ quá hạn	0,82%		0,15%			1,32%		
Cho vay DN	0,73%		0,14%			1,40		

(Nguồn báo cáo kết quả hoạt động TD của VAB chi nhánh Hội An)

Nhìn chung ta thấy hoạt động cho vay DN của chi nhánh có chiều hướng phát triển tốt thuận theo xu hướng chung của thị trường. Doanh số cho vay năm 2012 là 609.555 triệu đồng giảm 1,03% so với năm 2011. Năm 2013 doanh số cho vay là 420.083 triệu đồng giảm 31,08%

so với năm 2011. Dư nợ cho vay DN tăng trưởng mạnh ở giai đoạn 2012/2011 và sụt giảm mạnh ở giai đoạn 2013/2012.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HẠN CHẾ RRTD TRONG CHO VAY DN TẠI NHTMCP VIỆT Á CHI NHÁNH HỘI AN

2.3.1. Các biện pháp phòng ngừa

*** Tổ chức thực hiện hoạt động cho vay theo quy trình**

Về cơ cấu tổ chức bộ máy thực hiện quy trình cho vay doanh nghiệp tại Chi nhánh đã có sự tách biệt độc lập trong quá trình cấp tín dụng từ khâu thẩm định, phê duyệt cho đến khâu giải ngân và thu nợ.

*** Thực hiện phân tích và thẩm định tín dụng**

Hiện nay tại Chi nhánh, việc phân tích tín dụng nhằm kiểm soát khoản vay trước và trong khi cho vay chủ yếu được thực hiện thông qua: Tiếp xúc khách hàng, phân tích hồ sơ đề nghị vay vốn, phân tích báo cáo tài chính của khách hàng. Việc phân tích tín dụng trong cho vay đã được Chi nhánh triển khai khá chặt chẽ. Điều này đã giúp Chi nhánh phát hiện ra những dấu hiệu, nguy cơ dẫn đến rủi ro tín dụng trong quá trình thẩm định và xét duyệt cho vay.

*** Giám sát khoản vay**

Đây là biện pháp chi nhánh thường xuyên áp dụng trong công tác cấp và thu hồi các khoản nợ. Sau khi khoản vay được xét duyệt và giải ngân, Chi nhánh tiến hành việc kiểm tra và kiểm soát khoản vay thông qua việc kiểm tra thực tế khách hàng vay vốn.

*** Chính sách tín dụng**

- Chấm điểm tín dụng và xếp hạng doanh nghiệp

Hệ thống chấm điểm tín dụng của chi nhánh gồm các tiêu chí, quy trình chấm điểm tín dụng DN và thang xếp hạng tín dụng DN.

Việc chấm điểm tín dụng và xếp hạng doanh nghiệp được chi nhánh thực hiện khá chắc chắn, cụ thể ở từng tiêu thức, chỉ tiêu nhỏ để đảm bảo tính chính xác trong phân tích, đánh giá xếp hạng doanh

nghiệp. Hệ thống chấm điểm tín dụng của chi nhánh khá hoàn thiện, hiệu quả và luôn được cập nhật và bổ sung cho phù hợp với tình hình kinh tế và tình hình cho vay của chi nhánh. Định hướng phát triển tín dụng của CN trong giai đoạn 2011 -2013 là mở rộng tín dụng các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các DN dịch vụ du lịch và các DN công nghiệp nên CN đã rất chú trọng tới công tác chấm điểm tín dụng khách hàng.

*** Phân loại nợ và trích lập dự phòng**

Hiện nay việc phân loại nợ của khách hàng doanh nghiệp tại Chi nhánh Hội An thực hiện theo quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, được thực hiện một quý một lần và chi nhánh có một bộ phận chuyên trách về vấn đề này. Sau khi đã phân loại nợ, ngân hàng tiến hành trích lập dự phòng rủi ro dựa trên kết quả phân loại đó.

*** Đảm bảo vốn vay**

Tại Chi nhánh hình thức bảo đảm khoản vay chủ yếu là BĐS và giá của các tài sản BĐS biến động không nhiều từ năm 2011-2013. Tuy nhiên khi với các khoản nợ ngoại bảng CN cũng gặp khó khăn trong việc thu hồi tài sản bảo đảm do các quy định của nhà nước. Khi xảy ra tình trạng này, chi nhánh đã phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để xử lý. Kết quả là việc sử dụng tài sản để bảo đảm cho các khoản vay của chi nhánh là hiệu quả.

2.2.2 Các biện pháp xử lý rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh

- Thực hiện cơ cấu lại nợ

Chi nhánh đã nhận thức, đánh giá và dự báo được tình hình nền kinh tế trong nước bị ảnh hưởng của khủng hoảng thế giới, tác động trực tiếp đến khách hàng gặp khó khăn trong kinh doanh, làm suy giảm khả năng trả nợ ngân hàng dẫn đến nợ xấu. Vì vậy, chi nhánh đã thực hiện phân tích, đánh giá tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh của khách hàng, thực hiện cho vay duy trì hoạt động và cơ cấu lại nợ đối với những khách hàng gặp

khó khăn tạm thời do ảnh hưởng khách quan, có phương án khả thi sau khi được cho vay. Nhờ đó, mà nợ xấu tại Chi nhánh giảm xuống.

- Sử dụng quỹ dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu

Việc xử lý dự phòng để bù đắp rủi ro của chi nhánh được thực hiện theo quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và sửa đổi bổ sung số 18/2007/QĐ-NHNN. Với mục tiêu nâng cao tính an toàn trong hoạt động ngân hàng nói chung và hoạt động tín dụng của ngân hàng nói riêng, chi nhánh đã tích cực trích lập dự phòng rủi ro từ nguồn lợi nhuận hàng năm. Số trích lập quỹ dự phòng rủi ro liên tục tăng qua các năm, tăng tính an toàn trong hoạt động của ngân hàng.

- Phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ

Chi nhánh luôn tăng cường áp dụng các biện pháp để bảo đảm tiền vay, đa dạng về hình thức như: thế chấp, cầm cố tài sản, bảo đảm bằng tài sản từ nguồn hình thành từ vốn vay. Đối với các tài sản đảm bảo nợ vay, khi khách hàng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, theo quy định hiện hành, ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Việc yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ có thể thực hiện thông qua yêu cầu khách hàng tự phát mãi tài sản hoặc khởi kiện ra tòa án đề nghị phát mãi tài sản đảm bảo nợ vay để thu hồi nợ.

2.3. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ VÀ ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HẠN CHẾ RRTD TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG

2.3.1. Phân tích kết quả hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Việt Á chi nhánh Hội An

a. Sự thay đổi cơ cấu các nhóm nợ

Bảng 2.6. Phân nhóm nợ trong cho vay doanh nghiệp giai đoạn 2011 – 2013

Chi tiêu	Năm 2011	Năm 2012			Năm 2013		
		Số tiền	Chênh lệch		Số tiền	Chênh lệch	
			Số tiền	%		Số tiền	%
1. Tổng dư nợ	567.520	721.435	153.915	27,12	431.233	-290.202	-40,23
Nợ nhóm 1	561.401	718.422	157.021	27,87	423.211	-295.211	-40,98
Nợ nhóm 2	1.076	265	-811	-75,37	1.152	887	334,72
Nợ nhóm 3	169	0	-169	100	1.127	1.127	100
Nợ nhóm 4	600	0	-600	-100	500	500	100
Nợ nhóm 5	4.274	2.748	-1.526	-67,11	5.243	2.495	333,56
3. Nợ từ nhóm 2-5	6.119	3.013	-3.106	-75,41	8.022	5.009	494,47

(Nguồn: Báo cáo phân tích nợ quá hạn tại chi nhánh năm 2011-2013)

Nợ nhóm 1 luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng dư nợ (trên 90%), tuy nhiên từ năm 2011 đến 2013 tỷ trọng này giảm dần. Theo đó tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu có xu hướng tăng lên. Tỷ trọng các nhóm nợ trong chi nhánh có sự thay đổi rõ rệt nợ từ nhóm 2-5 có xu hướng tăng trong tổng dư nợ cho vay DN. Trong 3 năm qua tỷ trọng nợ nhóm nhóm 3, nhóm 4 có xu hướng giảm thì nợ nhóm 2 và 5 lại có xu hướng tăng. Đây là dấu hiệu mà chi nhánh cần quan tâm hơn nữa đến công tác hạn chế rủi ro để đạt được mục tiêu đề ra.

b. Dư nợ cho vay doanh nghiệp từ nhóm 2 đến nhóm 5

Tại chi nhánh chỉ tiêu này được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.7. Tỷ lệ dư nợ cho vay doanh nghiệp từ nhóm 2 đến nhóm 5

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012			Năm 2013		
		Số tiền	Chênh lệch		Số tiền	Chênh lệch	
			Số tiền	%		Số tiền	%
1. Tổng dư nợ	567.520	721.435	153.915	27,12	431.233	-290.202	-40,23
Nợ từ nhóm 2-5	6.119	3.013	-3.106	-75,41	8.022	5.009	494,47
Tỷ lệ dư nợ cho vay DN từ nhóm 2-5 (%)	1,1%	0,42%	-0,68%		1,9%	1,48%	

(Nguồn: Báo cáo tình hình nợ quá hạn tại chi nhánh năm 2011-2013)

Qua bảng số liệu trên, Dư nợ cho vay DN từ nhóm 2 đến nhóm 5 tại chi nhánh giảm mạnh trong năm 2012, giảm 3.106 triệu đồng, giảm 0,59% so với năm 2011; nhưng lại tăng mạnh trong năm 2013. Và tỷ lệ dư nợ cho vay DN từ nhóm 2 đến nhóm 5 trên tổng dư nợ năm 2013 tăng 1,48% so với năm 2012.

c. Tỷ lệ nợ xấu trong cho vay doanh nghiệp

Bảng 2.8. Tỷ lệ nợ xấu cho vay DN giai đoạn 2011-2013

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012			Năm 2013		
		Số tiền	Chênh lệch		Số tiền	Chênh lệch	
			Số tiền	%		Số tiền	%
1. Tổng dư nợ	567.520	721.435	153.915	27,12	431.233	-290.202	-40,23
Nợ xấu	5.043	2.748	-2.295	-45,5	6.870	4.122	150
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0,9%	0,38%	-0,52%		1,59%	1,21%	

(Nguồn: Báo cáo tình hình nợ xấu tại chi nhánh năm 2011-2013)

Qua bảng số liệu trên ta nhận thấy: nguy cơ rủi ro cho vay DN của Chi nhánh. Năm 2012, nợ xấu giảm từ 5.043 triệu đồng (năm 2011) xuống còn 2.748 triệu đồng, tương đương giảm 75,42% so với năm 2011. Đến năm 2013 tỷ lệ nợ xấu lại tăng cao so với năm 2012. Cụ thể: tỷ lệ nợ xấu năm 2013 là 1,59%, tăng 1,21% so với năm 2012.

d. Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro

Bảng 2.10. Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro cho vay DN giai đoạn

2011-2013

Chi tiêu	Năm 2011	Năm 2012			Năm 2013		
		Số tiền	Chênh lệch		Số tiền	Chênh lệch	
			Số tiền	%		Số tiền	%
1. Tổng dư nợ	567.520	721.435	153.915	27,12	431.233	-290.202	-40,23
2. Trích lập dự phòng rủi ro	4.981	5.145			6.468		
3. Tỷ lệ trích lập dự phòng (%)	0,88	0,71	-0,17		1,5	0,79	

(Nguồn: Báo cáo kết quả kinh doanh tại chi nhánh năm 2011-2013)

Nhìn chung, Chi nhánh thực hiện trích lập dự phòng tăng qua các năm. Đặc biệt năm 2013 Chi nhánh cũng đã rất mạnh tay trong việc trích lập dự phòng rủi ro, chấp nhận lợi nhuận của Chi nhánh giảm xuống.

e. Tỷ lệ xóa nợ rỗng trong cho vay doanh nghiệp

Bảng 2.11. Tỷ lệ xóa nợ rỗng cho vay DN giai đoạn 2011-2013

Chi tiêu	Năm 2011	Năm 2012			Năm 2013		
		Số tiền	Chênh lệch		Số tiền	Chênh lệch	
			Số tiền	%		Số tiền	%
1. Tổng dư nợ	567.520	721.435	153.915	27,12	431.233	-290.202	-40,23
2. Dư nợ xóa trong bảng	851	1.242	391	45,95	2.509	1.276	102
Thu hồi nợ xóa	237	589	352	148	1.420	831	141
Giá trị xóa nợ rỗng	614	653	39	6,35	1.089	436	66,76
3. Tỷ lệ xóa nợ rỗng (%)	0,11	0,09	-0,02		0,25	0,16	

(Nguồn: Báo cáo các khoản xóa nợ rỗng tại chi nhánh năm 2011-2013)

Qua bảng số liệu trên ta thấy, dư nợ xóa trong bảng đều tăng qua các năm. Năm 2012 CN đã phải xóa nợ trong bảng là 1.242 triệu đồng tăng 391 triệu đồng tương ứng tăng 45,95% so với năm 2011. Sang năm 2013 tình hình cũng không mấy khả thi, dư nợ xóa trong bảng lên đến 2.509 triệu đồng tăng 102 % so với năm 2012.

2.3.2. Đánh giá chung về thực trạng công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh

a. Thành công trong công tác hạn chế RRTD trong cho vay DN tại Ngân hàng TMCP Việt Á chi nhánh Hội An

Thông qua các biện pháp phòng ngừa mà chi nhánh đã áp dụng, nợ quá hạn, nợ xấu được kiểm soát tốt, tỷ lệ trích lập dự phòng giảm, chính sách tín dụng, quy trình cho vay, thẩm định, kiểm tra, giám sát vốn vay...được quy định rõ ràng. Đồng thời thông qua các biện pháp xử lý rủi ro thì tỷ lệ xóa nợ ròng, quá trình thu hồi nợ, xử lý nợ...ngày càng hiệu quả.

Chi nhánh đã tiến hành phân tích, sàng lọc những khách hàng kinh doanh kém hiệu quả, tài chính yếu, công nợ phải thu lớn và khó thu hồi nợ, có dấu hiệu xấu ảnh hưởng đến việc trả nợ ngân hàng.

Chi nhánh cũng chủ động tiếp thị, mở rộng đối tượng DN có năng lực tài chính mạnh, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, cho vay những DN có năng lực cạnh tranh, lợi thế so sánh trên địa.

Do đã trang bị mạng Lan nên CN không xảy ra tình trạng thiếu thông tin giữa các phòng ban.

Cơ cấu dư nợ tín dụng trong cho vay DN được dịch chuyển theo hướng an toàn hơn

Công tác thẩm định ngày càng chú trọng

Hoạt động tín dụng đối với DN có tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu của chi nhánh luôn thấp hơn mặt bằng chung của ngân hàng Việt Á.

b. Những vấn đề tồn tại

Bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác hạn chế RRTD trong cho vay DN của Chi nhánh vẫn còn nhiều vấn đề bất cập:

- Quy trình cho vay còn cứng nhắc chưa linh hoạt trong từng trường hợp cụ thể, tốn nhiều thời gian khi thực hiện quy trình. Chất lượng thẩm định chưa cao, thiếu thông tin khách hàng trong thẩm định cho vay. Quản lý hồ sơ tín dụng chưa được thực hiện thống nhất và chặt chẽ.

- Hiệu quả công tác dự báo tình hình khách hàng chưa cao.

- Việc sử dụng mô hình xếp hạng tín dụng đối với doanh nghiệp còn nhiều hạn chế:

+ Việc thu thập và phân loại thông tin chi tiết về doanh nghiệp chưa xác thực.

+ Nhiều chỉ tiêu trong bộ chỉ tiêu đánh giá cho điểm có sự trùng lặp.

+ Việc chấm điểm cho các chỉ tiêu phụ thuộc rất nhiều vào ý kiến chủ quan của cán bộ xếp hạng

+ Việc thực hiện xếp hạng tín dụng và phân loại nợ còn chưa thống nhất về mặt thời gian.

- Phân quyền phán quyết tín dụng còn độc đoán.

- Phân tán rủi ro tín dụng trong cho vay tại Chi nhánh chưa hiệu quả, chưa đa dạng hóa danh mục cho vay.

- Cán bộ tín dụng phụ trách quá nhiều khâu vậy nên công tác phòng ngừa rủi ro chưa thật sự hiệu quả.

- Chất lượng đội ngũ nhân viên tín dụng còn hạn chế

- Đặc biệt nhiều CBTD có quan niệm sai lầm rằng có tài sản đảm bảo là an toàn trong cho vay

- Chưa đa dạng hóa các biện pháp xử lý rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp.

- Về công nghệ ngân hàng tuy đã được chú trọng đầu tư nhưng vẫn còn chưa đồng bộ, chưa chuẩn hoá hết được các hoạt động nghiệp vụ, hệ thống thông tin tín dụng nội bộ có khả năng tập hợp và chia sẻ yếu, chưa phục vụ tốt cho công tác quản lý cho vay doanh nghiệp.

c. Nguyên nhân của những tồn tại

**** Nguyên nhân thuộc về môi trường kinh doanh***

- *Môi trường pháp lý về hoạt động ngân hàng* chưa thuận lợi, hiện nay, hệ thống pháp luật chưa thật sự thông thoáng và hoàn thiện. Nhiều điều luật trong các bộ luật còn chồng chéo, văn bản hướng dẫn còn chồng chéo nhau dẫn đến tình trạng khó khăn trong công tác quản lý rủi ro của ngân hàng.

- *Môi trường kinh tế, xã hội*: Trong những năm gần đây môi trường kinh tế có nhiều biến động. Áp lực từ sự suy giảm nền kinh tế toàn cầu đã dẫn đến hoạt động xuất nhập khẩu giảm sút mạnh mẽ, sức tiêu thụ hàng hóa trong nước giảm mạnh, luân chuyển vốn chậm. Diễn biến này có tác động và ảnh hưởng lớn đến hầu hết các doanh nghiệp. DN kinh doanh thua lỗ, mất khả năng thanh toán, đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến nợ xấu trong thời gian vừa qua tại Chi nhánh.

- *Đối thủ cạnh tranh*: Áp lực cạnh tranh giữa các ngân hàng ngày càng cao khiến cho Chi nhánh ngân hàng buộc phải chấp nhận những khoản tín dụng chưa đủ tiêu chuẩn an toàn hoặc có chất lượng chưa cao.

- *Nguyên nhân thuộc về phía khách hàng*

+ *Sử dụng vốn sai mục đích*: Nguyên nhân xảy ra rủi ro là do khách hàng không sử dụng vốn vay được từ Ngân hàng để sản xuất, kinh doanh mà dùng vốn cho mục đích khác đầu tư vào ngành chứa nhiều rủi ro mà Chi nhánh không kiểm soát được.

+ *Tình hình kinh doanh thua lỗ*: Trong thời gian qua, cũng như các địa bàn khác, trên địa bàn thành phố Hội An và các vùng lân cận số lượng doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động tăng cao, chiếm 20,4% số doanh nghiệp đăng ký. Các khoản vay ngân hàng vì thế mà trở thành nợ xấu là lẽ đương nhiên.

- *Nguyên nhân thuộc về ngân hàng*

+ Quy trình cho vay được áp dụng chung cho cả hệ thống và quá trình thực hiện đôi khi còn chưa chắc chắn.

+ *Nguồn lực*

➤ Chi nhánh chưa có bộ phận thẩm định độc lập để đảm bảo tính khách quan.

➤ Công nghệ ngân hàng chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu kinh doanh, nhất là công tác quản trị hệ thống trong điều kiện Chi nhánh có sự mở rộng đáng kể về phạm vi địa bàn hoạt động lẫn danh mục các dịch vụ ngân hàng.

CHƯƠNG 3
GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG
CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP
VIỆT Á - CHI NHÁNH HỘI AN

3.1. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á CHI NHÁNH HỘI AN

3.1.1. Định hướng chung của Ngân hàng TMCP Việt Á chi nhánh Hội An

a. Huy động vốn

- Đẩy mạnh hoạt động huy động vốn, xác định là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu.

- Tiếp tục triển khai các sản phẩm huy động vốn trung dài hạn để tranh thủ huy động nguồn vốn dài hạn.

- Tuân thủ các quy định của NHNN về lãi suất. Nghiên cứu áp dụng chính sách lãi suất nội bộ phù hợp để tăng cường huy động vốn.

b. Hoạt động tín dụng

- Đảm bảo tăng trưởng tín dụng an toàn, chất lượng và hiệu quả.

- Kiểm soát tăng trưởng tín dụng phù hợp với sự tăng trưởng nguồn vốn

- Tăng cường kiểm soát chất lượng và phòng ngừa rủi ro TD.

3.1.2. Định hướng hoạt động cho vay đối với DN

- Tiếp tục hướng đến nhóm khách hàng doanh nghiệp loại hình TM-DV. Đồng thời CN cũng không ngừng tìm kiếm nguồn khách hàng về ngành xây dựng, nông, ngư nghiệp, thủy hải sản trên địa bàn.

- Bên cạnh địa bàn thành phố Hội An, Chi nhánh cũng đang định hướng mở rộng hoạt động cho vay sang các địa bàn lân cận.

3.1.3. Định hướng hạn chế RRTD trong cho vay doanh nghiệp của Ngân hàng TMCP Việt Á chi nhánh Hội An

- Tăng trưởng tín dụng đi đôi với việc duy trì và nâng cao chất lượng tín dụng, đảm bảo hiệu quả kinh doanh

- Cùng cố chất lượng tín dụng hiện có, từng bước giảm thấp quy mô tín dụng đối với những ngành hàng yếu kém, không đáp ứng được các điều kiện tín dụng theo quy định hiện hành của Chi nhánh, thu hồi nợ đã xử lý rủi ro đang hạch toán ngoại bảng, giảm thấp tỷ lệ nợ xấu để tiếp tục nâng cao năng lực tài chính.

- Thực hiện chính sách lãi suất, phí suất hợp lý, đảm bảo tính cạnh tranh, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm, mức độ rủi ro của từng khoản vay.

- Giảm thiểu rủi ro tín dụng trên cơ sở nâng cao chất lượng TD.

- Xây dựng cơ chế xử lý nợ xấu uyển chuyển, hiệu quả.

3.2. GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RRTD TRONG CHO VAY DN TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

3.2.1 Nhóm giải pháp phòng ngừa

a. Xây dựng bộ phận thu thập và phân tích thông tin hiệu quả

Chi nhánh cần có riêng một bộ phận chuyên trách về việc thu thập và phân tích thông tin tín dụng để công tác hạn chế RRTD trong cho vay DN của chi nhánh ngày một hiệu quả hơn.

b. Hoàn thiện quy trình cho vay

- *Nâng cao chất lượng phân tích, thẩm định tín dụng*

Trong thời gian qua, mặc dù Chi nhánh đã phân nào chú trọng đến khâu thẩm định nhưng chất lượng chưa cao. Vì vậy trong thời gian đến cần có giải pháp để nâng cao chất lượng thẩm định hơn nữa.

- *Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát khoản vay*

Cần xây dựng phương án kiểm tra, giám sát khoản vay cụ thể:

+ Thực hiện kiểm tra sử dụng vốn vay phù hợp với đặc thù của các khoản vay, chất lượng khách hàng.

+ Nên sử dụng xếp hạng tín dụng khách hàng làm cơ sở cho việc xác định định kỳ hàng tháng, hàng quý hoặc nửa năm kiểm tra sử dụng vốn vay.

c. Sử dụng chính sách lãi suất cho vay linh hoạt

+ Những DN có quan hệ lâu năm, có uy tín thì có thể được hưởng một mức lãi suất ưu đãi thấp hơn.

+ Đối với DN vay vốn đầu tiên, chi nhánh có thể giảm lãi suất và có nhiều ưu đãi khác về thời hạn vay hoặc tổng hạn mức tín dụng để ưu đãi khách hàng.

+ Để mở rộng đối tượng khách hàng vay vốn, CN cần có chính sách lãi suất theo hướng lấy tăng dư nợ để bù đắp cho lãi suất thấp.

d. Thực hiện tốt việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Chi nhánh cần mạnh dạn, trung thực trong việc phân loại nợ và trích lập dự phòng đúng theo quy định để tạo điều kiện cho các bộ phận mạnh tay đòi nợ, có thời gian thanh lý tài sản thế chấp ở mức giá hợp lý, tạo nên nguồn thu cho những năm sau. Thực hiện trích lập dự phòng nhằm có khả năng bù đắp tổn thất khi rủi ro xảy ra, CN cần biết chấp nhận mục tiêu lợi nhuận ngắn hạn bị ảnh hưởng thì dù tỷ lệ nợ xấu có tăng thì hoạt động TD của ngân hàng cũng sẽ không ảnh hưởng nhiều.

e. Tăng cường phân tán rủi ro tín dụng

- Tiếp tục khai thác nhóm khách hàng TM - DV trên địa bàn Thành phố Hội An. Đồng thời, tiếp tục tìm kiếm nhóm khách hàng vay vốn ở các ngành sản xuất, xây dựng, khai thác, nông lâm thủy sản.

- Cho vay với nhiều loại thời hạn khác nhau đảm bảo sự cân đối giữa số vốn cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.

3.2.2 Nhóm giải pháp xử lý rủi ro

a. Tích cực xử lý nợ có vấn đề

- Thực hiện đánh giá, phân tích để phân loại nợ xấu để có những biện pháp xử lý thu hồi có hiệu quả.

- Hàng tuần, tổ xử lý nợ họp để đánh giá kết quả xử lý trong tuần và thống nhất chương trình hoạt động của tuần tới. Hàng tháng tại cuộc họp giao ban tại các đơn vị trực thuộc báo cáo kết quả xử lý thu hồi nợ xấu để giám đốc Chi nhánh giao nhiệm vụ xử lý tiếp theo.

- Đối với nợ quá hạn cần phải xử lý bằng kỹ thuật nghiệp vụ để tháo gỡ khó khăn như: gia hạn nợ, cho vay lại để khách hàng tiếp tục

sản xuất để tạo nguồn trả nợ cho ngân hàng.

- Trường hợp khách hàng có biểu hiện thiếu tích cực, không hợp tác tốt với ngân hàng trong việc xây dựng kế hoạch trả nợ, tùy mức độ và từng trường hợp cụ thể để áp dụng các giải pháp xử lý khác nhau nhưng phải tuân theo nguyên tắc là kiên quyết, dứt khoát.

- Trường hợp nợ xấu có liên quan đến cán bộ tín dụng tiêu cực thì nhất thiết phải xử lý, quy trách nhiệm vật chất, chuyển công tác khác...

- Nhiệm vụ xử lý nợ xấu nên giao cho tổ xử lý nợ xấu tại CN.

- Sử dụng quỹ dự phòng rủi ro một cách hợp lý để xử lý rủi ro tín dụng trong cho vay DN

b. Thực hiện hiệu quả công tác cơ cấu lại nợ, gia hạn nợ

Chi nhánh cần quyết liệt trong việc cơ cấu lại các khoản nợ, giảm nợ xấu cho dù mức lợi nhuận của CN có sụt giảm.

c. Các biện pháp chuyển giao rủi ro

- Chuyển nợ thành vốn cổ phần gắn với tái cấu trúc DN: Thực tế hiện nay cho thấy, môi trường kinh doanh chưa có nhiều dấu hiệu phục hồi, tổng cầu của nền kinh tế yếu chủ yếu do niềm tin của người tiêu dùng vào sự sớm hồi phục của thị trường thấp, hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ hàng hóa khó khăn, số lượng các doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động tăng... Các DN trên địa bàn thành phố Hội An và các huyện lân cận cũng không tránh khỏi tình trạng này. Vì vậy, việc đưa ra các giải pháp gỡ khó cho doanh nghiệp, khơi thông nguồn vốn để thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa là rất quan trọng.

- *Chứng khoán hóa các khoản nợ khó đòi*: là quá trình phát hành chứng khoán nợ trên cơ sở đảm bảo bởi dòng tiền mặt tương lai sẽ thu được từ một nhóm tài sản tài chính sẵn có. Do đó, các nhà đầu tư mua chứng khoán nợ chấp nhận rủi ro liên quan tới danh mục tài sản đảm bảo được đem ra chứng khoán hóa.

- *Bán nợ cho công ty mua bán nợ*: Đối với những khoản nợ mà CN cho rằng không thể áp dụng các biện pháp trên để thu hồi được thì

nên nghĩ đến việc bán các khoản nợ đó cho công ty Quản lý tài sản của TCTD Việt Nam. Cụ thể là Chi nhánh nên tìm đến VAMC.

3.2.3 Các giải pháp điều kiện

a. Hoàn thiện bộ máy quản lý tín dụng

- Phòng QHKH gồm 3 bộ phận: Bộ phận khai thác, bộ phận tổng hợp và bộ phận quản lý rủi ro tín dụng.

Khi triển khai mô hình quản lý trên, sự tách bạch giữa các bộ phận, tổ nghiệp vụ tạo khối chức năng độc lập nhưng đảm bảo sự liên kết chặt chẽ giữa các bộ phận. Từ đó, giúp cho các quyết định cho vay mang tính khách quan hơn, tạo tính chuyên môn hóa sâu hơn giúp nhận dạng các rủi ro tiềm năng và có biện pháp hạn chế RRTD thích hợp và hiệu quả hơn.

b. Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực

- Có chính sách thu hút nguồn nhân lực trẻ, có trình độ cao
- Tạo môi trường làm việc và có chính sách đãi ngộ hợp lý
- Tăng cường việc đào tạo và đào tạo lại các cán bộ nhân viên trong CN

Định kỳ hàng năm, Chi nhánh cần tổ chức các buổi kiểm tra đánh giá và xếp loại nhân viên. Những nhân viên giỏi xuất sắc sẽ được ưu tiên tăng lương, có phần thưởng xứng đáng, còn những nhân viên yếu kém sẽ bị giảm lương và loại bỏ dần.

c. Nâng cao chất lượng công nghệ

Trong thời gian đến chi nhánh cần đầu tư, nâng cấp các phần mềm quản lý tín dụng, thẩm định khoản vay, xếp hạng tín dụng DN, lưu trữ thông tin từ bộ phận thu thập và phân tích thông tin chuyển đến để công tác hạn chế RRTD ngày một hiệu quả hơn.

d. Thực hiện phân tách quyền hạn và trách nhiệm của bộ phận cấp tín dụng

Quy định rõ hạn mức TD tối đa mà mỗi cán bộ, phòng ban được quyền phán quyết để công tác hạn chế RRTD ngày một hiệu quả hơn.

e. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nội bộ

Ban quản trị Chi nhánh cần thiết lập chốt kiểm soát nội bộ giúp ngăn ngừa và phát hiện đối với việc phê duyệt gian lận.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Đối với chính phủ

Hoàn thiện môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động cho vay.

Thiết lập các chuẩn mực, quy tắc, quy định về kế toán, kiểm toán, về quản trị doanh nghiệp...

Tiếp tục thực hiện các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát và tái cấu trúc nền kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu.

Tăng cường pháp chế hoạt động ngân hàng.

Vận hành Công ty Quản lý tài sản Việt Nam (VAMC) có hiệu quả.

Tăng cường giám sát hoạt động của doanh nghiệp.

3.3.2. Đối với Ngân hàng Nhà nước

NHNN tăng cường hiệu quả, hiệu lực công tác thanh tra, giám sát ngân hàng để các TCTD tuân thủ đúng các quy tắc về hoạt động ngân hàng.

NHNN cần có cơ chế “cây gậy và củ cà rốt” để phát triển thị trường mua bán nợ sơ cấp.

NHNN cần nhanh chóng hoàn thiện khung pháp lý.

3.3.3. Đối với Hội sở chính

Quy định rõ ràng về việc phân tách quyền hạn phán quyết tín dụng cấp Chi nhánh .

Hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng

Nâng cao chất lượng quản trị điều hành, kiểm toán nội bộ.

Hỗ trợ Chi nhánh trong công tác tuyển dụng và đào tạo cán bộ

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát tín dụng.

Thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo tọa đàm giữa nhân viên toàn hệ thống với các chuyên gia kinh tế trong và ngoài nước về lĩnh vực cho vay của ngân hàng để góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp của nhân viên.

KẾT LUẬN

Trong tình hình kinh tế khó khăn hiện nay, số doanh nghiệp phá sản ngày càng tăng, ảnh hưởng tới chất lượng tín dụng khi cho vay doanh nghiệp, RRTD trong cho vay DN là vấn đề không thể tránh khỏi và cần được quan tâm đúng mức. Do vậy, hạn chế rủi ro trong cho vay DN là một nhiệm vụ quan trọng trong quản trị, điều hành của các NHTM.

Trong thời gian qua tuy đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ nhưng hoạt động cho vay doanh nghiệp ở ngân hàng TMCP Việt Á, chi nhánh Hội An cũng đã bộc lộ những điểm hạn chế nhất định. Tình trạng đó do nhiều nguyên nhân, chủ quan có, khách quan có. Vì vậy để giảm bớt tổn thất, nâng cao hiệu quả kinh tế và tạo điều kiện cho ngân hàng tồn tại và phát triển trong môi trường cạnh tranh thời mở cửa thì ta cần tiếp tục tích cực triển khai nghiên cứu các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp.

Tuy nhiên, dù rủi ro được xử lý như thế nào thì muốn thành công đều cần có sự tham gia và chia sẻ tích cực của doanh nghiệp có nợ, ngân hàng chủ nợ và, NHNN và Chính phủ. Vì vậy cần có sự phối kết hợp giữa các bộ phận chức năng để công tác hạn chế RRTD trong cho vay doanh nghiệp ngày một hiệu quả hơn.